

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 04/6/2020

*“V/v: Tranh chấp về xác định cha  
cho con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Viết Ân

2. Ông Vũ Xuân Vương

*- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.*

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2020 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1980*

*HKTT: 224, đường A, Phường Ph, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.*

*Chỗ ở: ấp 7, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.*

*Bị đơn: anh Lê Thanh C, sinh năm: 1990*

*Địa chỉ: ấp 7, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.*

*Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh năm: 1976*

*Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai*

*(chị Th, anh C, anh Đ đều vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2020, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Tiến Đ kết hôn với nhau vào năm 1999, sau khi kết hôn với nhau thì cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc đến năm 2004 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2014 chị và anh Đ đã sống ly thân nhau cho đến năm 2019 thì chị và anh Đ đã ly hôn bằng bản án số 87/2019/HNGĐ – ST ngày 22/10/2019 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chị và anh Đ sống ly thân thì chị có quan hệ tình cảm và chung sống với anh Lê Thanh C, giữa chị và anh C có với nhau hai người con chung là bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyển số 05 của Bệnh viện đa khoa khu vực L và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyển số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L. Sau khi ly hôn với anh Đức thì chị và anh Cường đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C vào ngày 22/11/2019. Tuy nhiên từ khi sinh ra đến nay thì hai bé chưa được làm thủ tục đăng ký khai sinh, vì hai bé được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Đức còn tồn tại nên khi chị và anh C đi đăng ký làm thủ tục khai sinh cho hai bé có cha ruột là anh C thì không làm được. Nay chị yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Thanh C, sinh năm: 1990 là cha ruột của hai bé sau: bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyển số 05 của Bệnh viện đa khoa khu vực L; bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyển số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L. Mục đích yêu cầu của chị là để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho hai bé theo quy định của pháp luật.

Chị đồng ý với Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 25/02/2020 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam. Chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định AND là 13.875.000 đồng, chị không yêu cầu anh C trả số tiền này.

*- Theo các lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Thanh C trình bày:*

Anh thống nhất với tất cả các lời trình bày của chị Th, anh xác định bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyển số 05 của Bệnh viện đa khoa khu vực L và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyển số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L là con ruột của anh và chị Th được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Th và

chồng cũ chị Th là anh Đ đang tồn tại. Nay anh đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th và đồng ý với Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 25/02/2020 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam.

- Theo lời khai trong hồ sơ thể hiện anh Nguyễn Văn Tiến Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1980 trước đây là vợ chồng với nhau. Trong thời gian còn là vợ chồng với nhau thì giữa anh và chị Thủy có xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2014 anh và chị Th đã sống ly thân nhau cho đến khi ly hôn nhau vào năm 2019 do Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai giải quyết. Anh xác định trong thời gian hôn nhân giữa anh và chị Th còn tồn tại thì anh chị chỉ có với nhau 02 người con chung là cháu Nguyễn Lâm Nhật H, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Lâm Nhật H, sinh năm: 2004, ngoài ra không còn người con nào khác. Anh xác định hai người con mà chị Th yêu cầu khởi kiện để xác định cha cho con trong vụ án này không phải là con ruột của anh. Đây là con của chị Th với người đàn ông khác được sinh ra trong thời gian anh và chị Th đang sống ly thân nhau và hôn nhân giữa anh chị còn tồn tại. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th thì anh không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp gì trong vụ án này. Anh xác định không liên quan gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

\* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); hai giấy chứng sinh (bản sao); hồ sơ phiếu kết quả xét nghiệm AND của con giả định Lê Thanh Bảo Ng và Lê Thanh Bảo Kh (bản chính); các bản tự khai, biên bản lấy lời khai (bản chính); biên bản xác minh (bản chính); biên bản ghi nhận sự việc (bản chính); bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 87/2019 ngày 22/10/2019 (sao lục);

\* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Các đương sự có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung: áp dụng Điều 88 của Luật HN và GD năm 2014 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiến nghị khắc phục: không

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xác định anh Lê Thanh Cường, sinh năm 1990, trú tại ấp 7, xã Xy, huyện C, tỉnh Đồng Nai là cha ruột của con mình là bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyền số 05 và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyền số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L nên đây là vụ án về "Tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên" theo khoản 4 Điều 28 của BLTTDS.

Bị đơn anh Lê Thanh C có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp 7, xã X, huyện C tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Th nhận thấy:

Mặc dù bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyền số 05 và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyền số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L, theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 25/02/2020 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam quan hệ con giả định có tên là Lê Thanh Bảo Ng và Lê Thanh Bảo Kh, được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn Tiến Đ còn tồn tại, tuy nhiên cả chị Th và anh Đ đều xác định từ năm 2014 đến khi ly hôn thì anh chị đã sống ly thân nhau và anh Đức khẳng định hai bé này không phải là con ruột của anh và chị Th. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh C thừa nhận bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyền số 05 và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyền số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L là con ruột của anh và chị Th.

Đồng thời theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 25/02/2020 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam thì bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quan hệ con gia đình có tên Lê Thanh Bảo Ng với quan hệ cha giả định Lê Thanh C thì mẫu AND ký hiệu Lê Thanh C và mẫu AND ký hiệu Lê Thanh Bảo Ng có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999745%. Và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018 quan hệ con gia đình có tên Lê Thanh Bảo Kh với quan hệ cha giả định Lê Thanh C thì mẫu AND ký hiệu Lê Thanh C và mẫu AND ký hiệu Lê Thanh Bảo Kh có quan hệ huyết thống Cha – Con, với tần suất 99,9999712%. Do đó việc chị

Th yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Thanh C, sinh năm: 1990 là cha ruột của bé gái và bé trai trên là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Về chi phí giám định AND: chị Th tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 13.875.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này chị Th.

[8] Về án phí: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì vụ án này thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Vì vậy, các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Thủy.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ; Điều 88 khoản 2 Điều 101 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th.

- Xác định anh Lê Thanh C, sinh năm 1990, trú tại ấp 7, xã X, huyện C tỉnh Đồng Nai là cha ruột của bé gái sinh lúc 09 giờ 20 phút ngày 22 tháng 01 năm 2016 theo giấy chứng sinh số 452/2016, quyển số 05 và bé trai sinh lúc 11 giờ 45 phút ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo giấy chứng sinh số 374/2018, quyển số 03 của Bệnh viện đa khoa khu vực L.

- Về chi phí giám định: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định AND là 13.875.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc Th Chị Th đã nộp đủ số tiền này.

- Về án phí: các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí cho chị Th. Theo biên lai số 0001832 ngày 07/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Lê Thị Khuyên**